

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HS - ST

Ngày: 20 - 9 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Viết Sự.

Ông Nguyễn Thanh Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/HSST ngày 04 tháng 9 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/ QĐXXST- HS ngày 07 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn H - Sinh năm 1983 tại xóm T, xã B, Huyện G, tỉnh N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã B, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn H - Sinh năm 1958 và bà Trần Thị X- Sinh năm 1961 đều làm muối tại xã B, huyện G, tỉnh N. Vợ là: Vũ Thị T - Sinh năm 1986 làm muối tại xã B, huyện G, tỉnh N. Có 02 con; lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2018 Hiện đang tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Nam Định.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị H - Sinh năm 1984 tại huyện Q, tỉnh T; nơi đăng ký HKTT: Khu T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn X- Đã chết và bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1960. Hiện sinh sống tại huyện Đ, tỉnh Đ. Chồng là Nguyễn Văn N- sinh năm 1982. Hiện sinh sống tại tỉnh T; có 1 con sinh năm 2009, hiện đang ở cùng bố. Hiện nay bị cáo Nguyễn Thị H đang có thai tháng thứ 8; tiền án , tiền sự:

Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

- *Người bị hại:*

1. Anh Hoàng Văn G - Sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm T, xã B, huyện G, tỉnh N.

2. Chị Phạm Thị A - Sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 10 xã H, huyện H, tỉnh N.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Vũ Thị T - Sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm T, xã B, huyện G, tỉnh N.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 10, xã H, huyện H, tỉnh N.

2. Anh Hoàng Văn C - Sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm T, xã B, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt: 02 bị cáo, chị T và anh G; những người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 7/2017, Trần Văn H và Nguyễn Thị H quen biết nhau thông qua mạng xã hội zalo. Qua nói chuyện, H giới thiệu với H là gia đình H rất giàu có, bản thân H buôn bán và có bà cô bên Thụy Sĩ mở công ty mỹ nghệ nên có khả năng đưa người sang Thụy Sĩ lao động. Thực tế, H không có nghề nghiệp ổn định, không có khả năng đưa người sang Thụy Sĩ lao động nhưng khi H đặt vấn đề muốn sang Thụy Sĩ để làm việc thì H đồng ý vì H nghĩ sẽ không bao giờ gặp H nên chỉ nói chuyện trên mạng cho vui chứ không có mục đích gì khác. Lợi dụng thông tin từ H, H về quê tung tin cho mọi người biết là mình sắp đi Thụy Sĩ mục đích nếu ai có nhu cầu muốn đi thì H sẽ lợi dụng để lừa tiền. Khi nghe tin H đi Thụy Sĩ lao động, anh Hoàng Văn G là hàng xóm của H đặt vấn đề với H là muốn đi Thụy Sĩ, H bảo anh G đã quá tuổi và cho con anh G đi, sau khi bàn bạc với gia đình, anh G đồng ý. H liên hệ với H nói có người muốn đi xuất khẩu lao động, vì sĩ diện nên H đồng ý.

Ngày 31/12/2017, H và H hẹn gặp nhau sau đó phát sinh tình cảm, sau một thời gian ăn ở cùng nhau, H nhận ra H không có gia đình giàu có và bản thân H không có khả năng đưa người sang Thụy Sĩ như lời H nói. Vì muốn có tiền ăn tiêu, H bàn bạc với H là lừa anh G cho con đi xuất khẩu lao động để lấy tiền tiêu xài, H đồng ý. Ngày 18/01/2018, H bố trí cho anh G gặp H. Khi gặp anh G, H đóng vai là người làm thủ tục đưa con anh G đi Thụy Sĩ, H đưa ra các thông tin không có thật để anh G tin tưởng và yêu cầu anh G chuẩn bị 38.800.000 đồng, anh G đồng ý. Ngày 25/01/2018, H chở anh G đi gặp H tại quán caphe ở khu vực đường Văn Quán, Quận Hà Đông, Hà Nội sau đó anh G đưa cho H 25.000.000 đồng. H viết giấy nhận tiền của anh G và nói dối anh G là đầu tháng 3/2018 con

anh G sẽ được sang Thụy Sĩ. Sau khi lừa được tiền của anh G, H và H cùng nhau tiêu xài. Đến ngày 11/2/2018, H tiếp tục gọi điện yêu cầu anh G chuyển cho H 5.000.000 đồng, anh G đồng ý và đưa cho H 5.000.000 đồng vào ngày 12/2/2018 khi anh G và H đang ở quê tại xã Bạch Long, huyện Giao Thủy. Ngày 18/2/2018, H về nhà H chơi mục đích lấy số tiền 5.000.000 đồng từ H mà anh G đưa và H có sang nhà anh G chơi. Khi anh G hỏi H về việc đi xuất khẩu, H nói dối anh G là sắp tới bà cô bên Thụy sĩ sẽ về Việt Nam rồi đưa người đi. Sau đó thấy quá hèn, anh G nhiều lần liên lạc với H và H để hỏi việc đi Thụy Sĩ nhưng H và H đều lấy lý do để khất lần. Do nghi ngờ bị H và H lừa nên anh G đòi lại tiền, H nói dối anh G là tiền đã mua vé máy bay không lấy lại được. Sau đó H đến công ty TNHH tH mại và du lịch Nhân Văn Hà Nội xin công ty 01 tờ phiếu thu ghi không nội dung thu tiền vé máy bay đưa anh G xem để anh G tin tưởng. Sau một thời gian nghi ngờ H và H lừa mình, anh G đã làm đơn tố giác đến Công an huyện Giao Thủy.

Quá trình điều tra còn xác định: Ngày 14/2/2018, H gặp chị Phạm Thị A, sinh năm 1991 ở xóm 10, xã Hải Trung, huyện Hải Hậu (là chị họ của H). Thấy chị A chưa có việc làm, H nảy sinh ý định lừa chị A để lấy tiền. H nói với chị A là sắp đi Thụy Sĩ lao động rồi H động viên chị A đi cùng, chị A đồng ý. H và H bàn bạc với nhau nói dối chị A làm chị A tin tưởng rồi giao cho H số tiền 20.300.000 đồng, lần 1 là vào đầu tháng 3/2018, chị A giao 2.300.000 đồng, sau đó khoảng 1 tuần chị A giao tiếp số tiền 18.000.000 đồng cho H. Sau khi nhận được số tiền trên H và H cùng nhau tiêu xài hết.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như đã nêu trên.

Người bị hại là anh Hoàng Văn G khai: Do có nhu cầu cho con trai là Hoàng Văn Chiến đi nước ngoài lao động, là người cùng xóm với bị cáo H nên khi H nói có khả năng đưa người sang Thụy Sĩ lao động nên tin tưởng và giao số tiền 02 lần tổng là 30.000.000 đồng cho bị cáo H và bị cáo H. Đến hẹn con trai anh không đi được nghi bị lừa nên anh đã làm đơn tố giác đến Công an huyện Giao Thủy. Đối với số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo H và chị Thu (Vợ bị cáo H) đã bồi thường đầy đủ cho anh, nay về trách nhiệm dân sự anh không yêu cầu gì thêm, về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị Thu khai: Chị là vợ bị cáo H, việc bị cáo H và bị cáo H lừa anh G và chị A để lấy tiền chị không biết, sau khi bị Cơ quan điều tra làm việc chị mới biết. Số tiền 02 bị cáo chiếm đoạt của anh G và chị A, chị đã cùng bị cáo H đã trả lại cho anh G là 30.000.000 đồng và chị A là 20.300.000 đồng. Nay chị không có yêu cầu gì về số tiền đã bỏ ra để bồi thường cho người bị hại.

Bản cáo trạng số 72/CTR ngày 04/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy truy tố các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận mặc dù không có khả năng đưa người ra nước ngoài lao động nhưng do

không có tiền tiêu xài H và H đã bàn bạc với nhau nói dối để anh Hoàng Văn G và chị Phạm Thị A tin tưởng để chiếm đoạt của anh G 2 lần tổng số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và chị Phạm Thị A 2 lần tổng số tiền là 20.300.000 đồng (hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt của 2 bị hại là 50.300.000 đồng (Năm mươi triệu ba trăm nghìn đồng). Như vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa pH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng tháng 7/ 2017 Trần Văn H và Nguyễn Thị H quen biết nhau qua mạng xã hội Zalo, H giới thiệu mình có khả năng đưa người sang Thụy Sĩ lao động. Lợi dụng thông tin từ H, H về quê tung tin mình sắp đi Thụy Sĩ mục đích nếu ai có nhu cầu đi sẽ lợi dụng để lừa tiền. Khi gặp H một thời gian thì hai bên đã nảy sinh tình cảm ăn ở cùng nhau. Do không có tiền ăn chơi, mặc dù biết H không có khả năng đưa người sang nước ngoài lao động nhưng Trần Văn H và Nguyễn Thị H đã bàn bạc với nhau và đã nói dối anh Hoàng Văn G là người có nhu cầu cho con trai đi nước ngoài lao động, các bị cáo đã chiếm đoạt của anh G số tiền 30.000.000 đồng. Cùng thủ đoạn tương tự các bị cáo đã chiếm đoạt của chị Phạm Thị A số tiền 20.300.000 đồng. Tổng cộng số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của hai người bị hại là 50.300.000 đồng. Do đó, các bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội. Bản thân các bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng khá già khổ lao ®éng tạo ra của cải vật chất phục vụ cho nhu cầu của bản thân mà chỉ thích hưởng thụ cần tiền ăn tiêu nên đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác dẫn tới phạm tội. Do vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng phù hợp với tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhằm trừng trị giáo dục riêng đối với các bị cáo và đáp ứng công tác phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, HĐXX xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Văn H cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên bị cáo H còn được tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị H là phụ nữ có thai và theo nội dung công văn số 478 ngày 14/9/2018 của trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định nơi tạm giam bị cáo, thì bị cáo H bị hen suyễn bẩm sinh, huyết áp thấp, thiếu máu (dự kiến thời gian sinh từ 2 đến 3 tuần tới). Trại tạm giam đề nghị TAND huyện Giao thủy xem xét áp dụng các biện pháp tố tụng khác đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội là phụ nữ có thai. Do vậy bị cáo H còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét vị trí, vai trò của từng bị cáo: Bị cáo H và bị cáo H là đồng phạm trong vụ án, bị cáo H là người nài ra thủ đoạn gian dối, bị cáo H là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy bị cáo H phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo H. Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có hướng tự cải tạo. Vì vậy không nhất thiết buộc các bị cáo phải tập trung cải tạo, mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo như quan điểm đề xuất của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Trần Văn H cùng gia đình đã trả lại cho anh Hoàng Văn G số tiền 30.000.000 đồng, trả lại cho chị Phạm Thị A số tiền 20.300.000 đồng. Nay anh G, chị A đã nhận lại đầy đủ số tiền bị cáo H và H chiếm đoạt và không có yêu cầu đề nghị gì thêm, nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

[6] Về xử lý vật chứng: Sẽ víi 02 chiỒc ®iỒn tho¹i di động H và H sử dụng để liên lạc với nhau, H và H đã làm mất nên không thu hồi được vì vậy vấn đề xử lý không đặt ra.

Đối với chị Cao Thị H là giám đốc Công ty TNHH tH mại và du lịch Nhân Văn là người đã cấp cho H 01 phiếu thu không nhưng chị Hoạt không biết mục đích của H để đi lừa người khác nên vấn đề xử lý không đặt ra.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn H 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án (Bị cáo đã bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2018 đến nay). Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Trần Văn H ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án (Bị cáo đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2018 đến nay). Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị H ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

Giao bị cáo Trần Văn H cho UBND xã Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao bị cáo Nguyễn Thị H cho UBND thị trấn Tòa Chùa, huyện Tòa chùa, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Trại tạm giam công an tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Công an huyện Giao Thủy;
- UBND xã Bạch long;
- UBND thị trấn Tòa Chùa;
- Mỗi bị cáo: 01 bản;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Lâm

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Sự

Nguyễn Thanh Tuyên

Phạm Thanh Lâm

